

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST.

Ngày: 15/5/2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thùy Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Trần Ngọc Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đào Công M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Châu T, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: khu phố M, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Châu T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông T có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Công M và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Châu T trình bày:

Vào ngày 01/01/2018, giữa ông Đào Công M và bà Đoàn Thị Châu T có xác lập một biên nhận nợ. Theo nội dung biên nhận này, bà Đoàn Thị Châu T có mượn của ông Đào Công M số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC. Thời gian mượn một năm kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Theo lời trình bày của bà T thì mục đích vay là để làm ăn. Vì là bạn bè thân thiết nên ông M cho bà T mượn

không tính lãi. Đến hạn trả nợ, dù ông M đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Châu T có trách nhiệm trả số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC. Ông M không yêu cầu tính lãi số tiền trên và không yêu cầu chồng bà T chịu trách nhiệm liên đới trả số nợ này.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 30/12/2019, bị đơn bà Đoàn Thị Châu T trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017 bà T có mượn của ông Đào Công M số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC với lãi suất 10%/tháng. Bắt đầu từ tháng 5/2018 đến nay bà T không còn khả năng đóng lãi và trả nợ gốc cho ông Đào Công M. Hiện bà đang nuôi con nhỏ và chưa tìm được việc làm nên chưa có tiền trả cho ông Đào Công M.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Đoàn Thị Châu T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Đoàn Thị Châu T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà Đoàn Thị Châu T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]Về tố tụng: Ông Đào Công M khởi kiện bà Đoàn Thị Châu T yêu cầu trả số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC. Xét quan hệ tranh chấp giữa ông Đào Công M và bà Đoàn Thị Châu T là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đoàn Thị Châu T đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ trên. Nguyên đơn ông Đào Công M đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn bà Đoàn Thị Châu T được ghi trong Biên nhận nợ ngày 01/01/2018. Việc bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong Hợp đồng mà không thông báo cho ông Đào Công M nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 được xem là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ theo địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong biên nhận nợ ngày 01/01/2018, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đoàn Thị Châu T đã được tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đoàn Thị Châu T.

[2] Về nội dung: nguyên đơn ông Đào Công M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đoàn Thị Châu T trả số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC. Chứng cứ chứng M cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận nợ ngày

01/01/2018 được xác lập giữa ông Đào Công M và bà Đoàn Thị Châu T. Nội dung biên nhận nợ thể hiện việc bà Đoàn Thị Châu T có mượn của ông Đào Công M số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC. Bị đơn bà Đoàn Thị Châu T thừa nhận có mượn của ông Đào Công M số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC nhưng vào thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 với lãi suất 10%/tháng, tuy nhiên bà T không cung cấp được chứng cứ chứng M cho lời trình bày của mình. Tuy ông M và bà T trình bày không thống nhất về thời gian vay tiền và vàng nhưng căn cứ vào biên nhận nợ ngày 01/01/2018 và Bản trình bày ý kiến ngày 30/12/2019 có đủ cơ sở xác định việc ông Đào Công M đã cho bà Đoàn Thị Châu T vay số tiền 240.000.000đồng và 06 lượng vàng SJC. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận nên việc ông M khởi kiện là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do yêu cầu khởi kiện của ông M là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc ông M không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu một mình bà T chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị Châu T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là :  $20.000.000 + ((240.000.000đ + 6 \times 48.580.000đ/\text{lượng}) - 400.000.000đ) \times 4\% = 25.259.200đ$

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Điều 117, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Công M: Buộc bà Đoàn Thị Châu T có trách nhiệm trả cho ông Đào Công M số tiền 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng và 06 lượng vàng SJC.

Ghi nhận việc ông M không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu một mình bà T chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Đoàn Thị Châu T phải chịu là 25.259.200 (Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Đào Công M số tiền tạm ứng án phí là 12.450.000 (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0008478 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lương Thị Thùy Dương**